***Thứ Ba ngày 15 tháng 10 năm 2024***

**MÔN TOÁN**

## **Bài 15. TỈ LỆ BẢN ĐỒ (TIẾT 2)**

##### **I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

-HS nhận biết được tỉ lệ bản đồ; đọc được tỉ lệ bản đồ; biết được một số ứng dụng của tỉ lệ bản đồ trong thực tế.

-Vận dụng được tỉ lệ bản đồ để giải quyết một số tình huống thực tiễn.

-HS có cơ hội phát triển các năng lực tư duy và lập luận toán học, mô hình hoá toán học, giao tiếp toán học, giải quyết vấn đề toán học và các phẩm chất chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm, yêu nước.

##### **II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1.GV:** Bản đồ Việt Nam (và một số bản đồ hay lược đồ) dùng cho phần Khởi động và Cùng học, mục Khám phá, bảng số liệu dùng cho bài Thực hành 1 (nếu cần).

**2.HS:** Bản đồ Việt Nam (giống bản đồ của GV nhưng nhỏ hơn).

**III. Các hoạt động dạy học chủ yếu**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG GV** | **HOẠT ĐỘNG HS** |
| **1.Hoạt động Mơ đầu** | |
| GV có thể cho HS hát múa hoặc vui chơi để tạo không khí lớp học vui tươi. | HS tham gia hát múa hoặc chơi theo hiệu lệnh của GV. |
| **2. Hoạt động Luyện tập – Thực hành** | |
| ***Luyện tập***  **Bài 1:**  – Sửa bài, GV **khuyến khích** nhiều nhóm trình bày. | * HS (nhóm đôi) **tìm hiểu** bài, **nhận biết**   yêu cầu của bài.   * HS **thực hiện** cá nhân.   Bài giải  3 × 10 000 000 = 30 000 000  30 000 000 cm = 300 km  Trên thực tế khoảng cách giữa hai thành phố đó là 300 km. |
| **Bài 2:**  – Khi sửa bài, GV **khuyến khích** HS nói **giải thích** cách làm. | * HS **xác định** bài toán **cho biết gì**, bài toán   **hỏi gì**.   * HS **thực hiện** cá nhân.   Bài giải  354 km = 354 000 000 mm  354 000 000 : 2 000 000 = 177  Trên bản đồ quãng đường từ Hà Tĩnh đến Hà Nội dài 177 mm.  ... |
| **Bài 3:**   * Khi sửa bài, GV **khuyến khích** HS nói **giải thích** cách làm.   *Lưu ý:* GV giúp các em chọn sai nhận ra chỗ sai của mình.  **3. Hoạt động Vận dụng – Trải nghiệm**  **Khám phá**   * Khi sửa bài, GV khuyến khích HS **giải thích**   cách làm. | * HS **nhận biết** yêu cầu của bài: Chọn ý trả lời đúng. * HS **tìm hiểu** bài rồi thực hiện. * HS **thực hiện** cá nhân rồi **chia sẻ** trong nhóm đôi. * Khi sửa bài, HS **giải thích** tại sao chọn đáp án đó.  1. A b) B   Ví dụ:   1. 20 cm × 10 000 = 200 000 cm   200 000 cm = 2 km   1. 15 m = 1 500 cm 10 m = 1 000 cm   1500 cm : 500 = 3 cm 1000 cm : 500 = 2 cm  …   * + HS (nhóm đôi) **đọc** đề bài, **nhận biết**   được vấn đề cần giải quyết.   * + HS **thực hiện** cá nhân rồi chia sẻ với bạn.   + Sửa bài, HS (vài nhóm) **đọc** kết quả, HS giải thích cách làm.   Ví dụ: Tỉ lệ của bản vẽ là 1 : 100 hay 1 vì:  100   * + Chiều cao của ngôi nhà trên bản vẽ là 42 mm (15 + 27 = 42).   + Thực tế: 4 m 20 cm = 4 200 mm   🡪 42 : 4 200 = 1 : 100 |
| **Hoạt động thực tế**  – Khi sửa bài, GV khuyến khích HS nói cách làm. | * HS **xác định** yêu cầu, **thực hiện** cá nhân. * HS giải thích cách làm. Ví dụ: * Bước 1: Đổi đơn vị đo từ mét sang xăng-ti-mét. * Bước 2: Tìm chiều dài nền phòng học trên bản vẽ. * Bước 3: Tìm chiều rộng nền phòng học trên bản vẽ. * Bước 4: Vẽ hình chữ nhật.   8 m = 800 cm 6 m = 600 cm  800 : 200 = 4  Chiều dài nền phòng học trên bản vẽ là 4 cm.  600 : 200 = 3  Chiều rộng nền phòng học trên bản vẽ là 3 cm.  b) Vẽ hình chữ nhật có chiều dài 4 cm và chiều rộng 3 cm. |

**IV.ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY** (nếu có)

……………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………